

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CTCP CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SỐ CT/TCKT  
(V/v MEC công bố BCTC tổng hợp  
quý 3 năm 2017)

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: Công ty CP cơ khí – lắp máy Sông Đà
2. Mã chứng khoán: MEC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A38 Khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397
5. Người được ủy quyền công bố thông tin: Đàm Trung Kiên – Kế toán trưởng - Công ty CP cơ khí – lắp máy Sông Đà
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính tổng hợp quý 3 năm 2017 của Công ty CP cơ khí – lắp máy Sông Đà được lập ngày 27 tháng 10 năm 2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Văn bản số CT/TCKT ngày 27/10/2017 giải trình chênh lệch lợi nhuận tổng hợp sau thuế quý 3 năm 2017 so với cùng kỳ quý 3 năm 2016.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tổng hợp quý 2 năm 2017 của Công ty CP cơ khí – lắp máy Sông Đà: [www.someco.com.vn](http://www.someco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu P.TCKT; TCHC



*Đàm Trung Kiên*

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

MST: 5400240573

Địa chỉ: Lô A38 Khu dịch vụ Đồng Dưa, P. Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	...	<b>714,680,808,166</b>	<b>698,154,889,428</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>1</i>	<i>2,532,434,709</i>	<i>2,130,291,674</i>
1. Tiền	111	...	2,532,434,709	2,130,291,674
2. Các khoản tương đương tiền	112	...		
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	...	<i>-1,677,900,000</i>	<i>3,570,000,000</i>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	...	5,857,200,000	9,427,200,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	...	-7,535,100,000	-5,857,200,000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2		
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	...	<i>513,742,206,161</i>	<i>482,881,868,200</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	...	421,277,905,570	393,776,559,382
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	...	23,367,942,744	22,816,961,464
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	...		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	...		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	...	14,316,864,547	11,183,638,807
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	3	62,221,694,460	58,651,992,428
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	4	-7,442,201,160	-3,547,283,881
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	...		
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	...	<i>188,315,170,502</i>	<i>199,853,427,646</i>
1. Hàng tồn kho	141	5	188,315,170,502	199,853,427,646
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	...		
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	...	<i>11,768,896,794</i>	<i>9,719,301,908</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	...		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	...	11,768,860,134	9,719,301,908
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	...	36,660	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	...		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	...		
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	...	<b>105,815,959,250</b>	<b>124,590,185,121</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>	...	<i>72,000,000</i>	<i>72,000,000</i>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	...		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	...		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	...		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	...		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	...		
6. Phải thu dài hạn khác	216	...	72,000,000	72,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	...		
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	...	<i>9,947,531,075</i>	<i>14,081,065,186</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	8,327,531,075	12,461,065,186
- Nguyên giá	222	...	111,628,997,724	111,203,997,724
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	...	-103,301,466,649	-98,742,932,538
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	...		
- Nguyên giá	225	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	...		
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	1,620,000,000	1,620,000,000
- Nguyên giá	228	...	2,120,000,000	2,120,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	...	-500,000,000	-500,000,000
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>	...		
- Nguyên giá	241	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	...		
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>	...	<i>786,992,174</i>	<i>1,041,992,174</i>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	...		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	...	786,992,174	1,041,992,174
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	...	<i>87,768,830,925</i>	<i>101,880,064,316</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251	8	102,271,255,018	112,872,172,826
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	...		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9	50,000,000	50,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	10	-14,552,424,093	-11,042,108,510
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	...		
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>	...	<i>7,240,605,076</i>	<i>7,515,063,445</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	7,240,605,076	7,515,063,445
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	...		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	...		
4. Tài sản dài hạn khác	268	...		
<b>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>820,496,767,416</b>	<b>822,745,074,549</b>





Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300	...	669,224,985,141	671,915,431,235
I. Nợ ngắn hạn	310	...	669,162,060,063	671,852,506,157
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	...	145,085,953,289	155,342,558,675
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	...	110,165,960,413	93,440,740,733
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	63,158,720,426	55,949,966,634
4. Phải trả người lao động	314	...	6,109,848,862	18,647,624,438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	51,215,885,357	47,021,139,054
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	...		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	...		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	...		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	51,016,892,709	52,441,114,760
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	240,241,229,278	246,852,924,870
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	...		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	2,167,569,729	2,156,436,993
13. Quỹ bình ổn giá	323	...		
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	...		
II. Nợ dài hạn	330	...	62,925,078	62,925,078
1. Phải trả người bán dài hạn	331	...		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	...		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	...		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	...		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	...		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	...		
7. Phải trả dài hạn khác	337	...	37,460,000	37,460,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	...		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	...		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	...		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	...		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	25,465,078	25,465,078
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	...		
D. Vốn chủ sở hữu	400	...	151,271,782,275	150,829,643,314
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	151,271,782,275	150,829,643,314
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	...	83,536,200,000	83,536,200,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	...	83,536,200,000	83,536,200,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	...		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	...	11,927,177,227	11,927,177,227
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	...		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	...		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	...		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	...		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	...		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	...	42,233,038,148	42,092,739,042
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	...		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	...		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	...	13,575,366,900	13,273,527,045
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	...	13,039,695,203	13,273,527,045
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	...	535,671,697	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	...		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	...		
1. Nguồn kinh phí	431	...		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	...		
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>820,496,767,416</b>	<b>822,745,074,549</b>

LẬP BIỂU

Phạm Lực Tuấn

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

MST: 5400240573

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dừa P Hà Cầu Quận Hà Đông Hà Nội

Tel: 024.3.7.832.398

Fax: 024.3.7.832.397

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đến 30 tháng 09 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	39,030,635,924	54,065,589,907	128,243,403,102	213,537,715,409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	...				
3. Doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	1	39,030,635,924	54,065,589,907	128,243,403,102	213,537,715,409
4. Giá vốn hàng bán	11	2	29,269,517,783	49,201,778,026	90,714,755,055	190,108,365,792
5. Lợi nhuận gộp BH và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	...	9,761,118,141	4,863,811,881	37,528,648,047	23,429,349,617
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	217,917,055	5,504,321,780	580,708,102	7,221,618,831
7. Chi phí tài chính	22	4	5,802,572,278	6,061,076,706	22,643,842,542	18,015,910,724
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	...	5,802,572,278	6,061,076,706	17,455,626,959	16,326,539,054
8. Chi phí bán hàng	25	...				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5	3,635,397,973	3,326,403,193	15,738,822,839	13,399,262,521
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	...	541,064,945	980,653,762	-273,309,232	-764,204,797
11. Thu nhập khác	31	6	2	6,665,877	4,424,313,394	4,314,224,936
12. Chi phí khác	32	7	419,352,315	415,183,669	1,985,052,734	1,756,952,305
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	...	-419,352,313	-408,517,792	2,439,260,660	2,557,272,631
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	...	121,712,632	572,135,970	2,165,951,428	1,793,067,834
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	...	24,342,526	252,074,610	1,630,279,733	767,733,641
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	...				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	...	97,370,106	320,061,360	535,671,695	1,025,334,193
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	...	12	41	64	133



**CÔNG TY CP CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dừa P Hà Cầu Quận Hà Đông Hà Nội

Tel: 024.37.832.398

Fax: 024.37.832.397

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Quý III Năm 2017 theo phương pháp trực tiếp)

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
				NĂM 2017	NĂM 2016
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		106,160,284,187	219,962,453,940
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-30,151,530,074	(44,946,068,335)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		-24,016,404,978	(25,706,940,400)
4	Tiền lãi vay đã trả	04		-12,618,799,919	(12,544,347,877)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	-2,890,265,546
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		274,256,885,710	119,664,626,106
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-171,888,213,763	(141,875,543,080)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>141,742,221,163</i>	<i>111,663,914,808</i>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10,746,134	5,454,546
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,260,352	32,180,656
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>15,006,486</i>	<i>37,635,202</i>
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3	Tiền thu từ đi vay	33		9,715,813,855	15,310,994,155

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
				NĂM 2017	NĂM 2016
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		-151,070,898,469	(137,820,754,186)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>-141,355,084,614</i>	<i>-122,509,760,031</i>
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50		402,143,035	(10,808,210,021)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2,130,291,674	13,306,813,720
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		2,532,434,709	2,498,603,699

LẬP BIỂU



Phạm Lực Tuấn

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



*Trần Thanh Sơn*



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Đến 30 tháng 09 năm 2017

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí
3. Ngành nghề kinh doanh : Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí ôxy; Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.
4. Nhân viên  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 Công ty có 388 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 640 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. Năm tài chính  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200-2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. Hình thức kế toán áp dụng  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dura, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu kỳ (CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{(CT,} \\ \text{HMCT)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

#### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Giá trị thương hiệu Sông Đà*

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

#### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

#### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

#### 13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

##### *Chi phí bảo hành công trình xây lắp*

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

##### *Các hợp đồng có rủi ro lớn*

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

### *Doanh thu xây dựng*

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì doanh thu được ghi nhận bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## 19. Tài sản tài chính

### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### 20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### 21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.111.664.282	1.122.323.718
Tiền gửi ngân hàng	420.770.427	1.007.967.956
<b>Cộng</b>	<b><u>2.532.434.709</u></b>	<b><u>2.130.291.674</u></b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000	585.720	5.857.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc			357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7				
<b>Cộng</b>		<b><u>5.857.200.000</u></b>		<b><u>9.427.200.000</u></b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải thu khác	<b>45.367.501.434</b>	<b>46.020.435.693</b>
Phải thu cán bộ công nhân viên	1.548.900.067	2.403.271.896
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.040.000.000	1.040.000.000
Phải thu các Công ty con		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc <sup>(1)</sup>	6.143.301.295	6.143.301.295
Chi hộ BHXH	491.755.253	289.753.460
Các khoản phải thu khác	13.831.544.819	11.487.364.013
Tiền vật tư	22.312.000.000	22.312.000.000
b) Phải thu tạm ứng	16.301.412.686	14.616.158.541
c) Cầm cố, thế chấp, KC, KQ	<b>552.780.340</b>	<b>552.780.340</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>62.221.694.460</u></b>	<b><u>58.651.992.428</u></b>

**4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(7.442.201.160)	(3.547.283.881)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm		(1.882.567.563)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(7.442.201.160)	(1.664.716.318)
<b>Cộng</b>	<b><u>(7.442.201.160)</u></b>	<b><u>(3.547.283.881)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	14.157.042.914	14.086.517.664
Công cụ, dụng cụ	271.260.493	295.927.243
Hàng đang đi đường		1.503.035.650
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	<u>173.886.867.095</u>	<u>183.967.947.090</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>188.315.170.502</u></b>	<b><u>199.853.427.646</u></b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.833.746.245	64.416.891.985	27.829.893.569	2.123.465.925	111.203.997.724
Tăng do điều chuyển Nb		299.800.000	1.672.468.061	170.000.000	2.142.268.061
Giảm do bán TS		44.800.000	1.672.468.061		1.717.268.061
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>16.833.746.245</u></b>	<b><u>64.671.891.985</u></b>	<b><u>27.829.893.569</u></b>	<b><u>2.293.465.925</u></b>	<b><u>111.628.997.724</u></b>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.877.567.167	57.677.787.286	27.143.137.642	2.044.440.443	98.742.932.538
Khấu hao trong kỳ	1.176.269.396	2.832.599.665	398.200.172	151.464.879	4.558.534.111
Tăng do nhận sáp nhập					
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>13.053.836.563</u></b>	<b><u>60.510.386.951</u></b>	<b><u>27.541.337.814</u></b>	<b><u>2.195.905.322</u></b>	<b><u>103.301.466.649</u></b>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>4.956.179.078</u>	<u>6.739.104.699</u>	<u>686.755.927</u>	<u>79.025.482</u>	<u>12.461.065.186</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>3.779.909.682</u></b>	<b><u>4.161.505.034</u></b>	<b><u>288.555.755</u></b>	<b><u>97.560.603</u></b>	<b><u>8.327.531.075</u></b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 59.052.048.361 VND và 17.837.621.334 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn.

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Thương hiệu Sông Đà</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Tăng trong năm			
Giảm trong năm			
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.620.000.000</u></b>	<b><u>500.000.000</u></b>	<b><u>2.120.000.000</u></b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		500.000.000	500.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		500.000.000	500.000.000
Khấu hao trong năm			
<b>Số cuối năm</b>		<b><u>500.000.000</u></b>	<b><u>500.000.000</u></b>
Giá trị còn lại			



**CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Thương hiệu Sông Đà</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.620.000.000		1.620.000.000
Số cuối kỳ	1.620.000.000		1.620.000.000

**8. Đầu tư vào công ty con**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I <sup>(i)</sup>	3.912.482	39.124.823.018	4.038.504	40.385.040.519
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang <sup>(ii)</sup>	5.314.643	53.146.432.000	6.248.713	62.487.132.307
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco <sup>(iv)</sup>		5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco <sup>(v)</sup>		5.000.000.000		5.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>102.271.255.018</b>		<b>112.872.172.826</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 4900262326 ngày 02 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I là 52.640.000.000 VND, tương đương 56% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2017, Công ty đã đầu tư 39.124.823.018 VND, tương đương 41,62 % vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5100199853 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang 32.400.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Theo nghị quyết số 21/NQ/HĐQT ngày 27/07/2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Someco Sông Đà về việc tiếp tục góp vốn vào dự án Thủy điện Nậm Ly 1, Công ty sẽ đảm nhận và tiếp tục góp toàn bộ số vốn còn góp thiếu của các cổ đông còn lại không góp. Đến thời điểm 30 tháng 09 năm 2017, Công ty đã đầu tư 53.146.432.000 VND, tương đương 90.69% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0104835162 ngày 05 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 0104755407 ngày 15 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco.

**9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7 (nhận ủy thác đầu tư)	115.000	50.000.000	115.000	50.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
Cộng		<u>50.000.000</u>		<u>50.000.000</u>	
<b>10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính</b>					
Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:					
		<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
Số đầu năm		(11.042.108.510)		(8.977.387.222)	
Trích lập dự phòng bổ sung		3.546.701.460		(1.404.529.920)	
Hoàn nhập dự phòng		36.385.877			
Số cuối năm		<u>(14.552.424.093)</u>		<u>(11.042.108.510)</u>	
<b>11. Chi phí trả trước dài hạn</b>					
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Tiền thuê đất					
Xưởng Cơ khí Đà Nẵng	7.515.063.445			274.458.369	7.240.605.076
Cộng	<u>7.515.063.445</u>			<u>274.458.369</u>	<u>7.240.605.076</u>
<b>12. Vay và nợ ngắn hạn</b>					
		<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Vay ngắn hạn ngân hàng		221.089.558.722		217.570.863.069	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình		183.088.968.059		179.583.970.006	
- Ngân hàng nông nghiệp – CN Hồng Hà		38.000.590.663		37.986.893.063	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác		19.151.670.556		29.282.061.801	
- Tổng công ty Sông Đà		18.751.670.556		23.662.061.801	
- Vay cá nhân		400.000.000		5.620.000.000	
Cộng		<u>240.241.229.278</u>		<u>246.862.924.870</u>	
<b>13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>					
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	43.761.499.533	5.619.317.169	4.015.175.218	45.365.641.484	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.032.588.266	1.630.316.392	0	7.662.904.658	
Thuế thu nhập cá nhân	316.109.800	65.867.842	38.645.510	343.332.132	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.156.126.436	628.747.812		4.784.874.248	
Các loại thuế khác	911.707.391	51.292.310	2.000.000	960.999.701	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	771.935.208	3.272.036.238	3.003.243	4.040.968.203
<b>Cộng</b>	<b>55.949.966.634</b>	<b>10.604.979.554</b>	<b>4.061.823.971</b>	<b>63.158.720.426</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	5 - 10%
Hoạt động thương mại	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Năm 2017, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.165.951.428	1.793.067.834
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		1.755.446.959
- Các khoản điều chỉnh tăng (các khoản chi phí không được trừ)	2.646.869.669	1.755.446.959
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)		
Thu nhập chịu thuế	4.812.821.097	3.548.514.793
Lũ các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế		3.548.514.793
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>962.564.219</b>	<b>709.702.959</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>667.715.514</b>	
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.630.279.733</b>	<b>709.702.959</b>
<b>Các loại thuế khác</b>		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		

**14. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	49.013.834.674	43.672.783.818
Chi phí khác	2.202.050.683	3.348.355.236
<b>Cộng</b>	<b>51.215.885.357</b>	<b>47.021.139.054</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.020.807.271	859.524.407

**CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	23.673.266.507	19.830.138.996	
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	699.749.672	775.795.152	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.604.840.160	2.604.840.160	
Phải trả Tổng công ty Sông Đà			
Tiền phạt thuế		2.650.574.100	
Quỹ tự nguyện	96.750.999	219.291.504	
Quỹ Sông Đà	105.497.650		
Nhận ủy thác đầu tư	50.000.000	50.000.000	
Lương của CBCNV chưa nhận			
Phải trả Công ty con	152.909.422	157.409.422	
Ban điều hành Dự án thủy điện Xecaman 3		16.947.972.339	
Các khoản phải trả khác	22.293.134.460	9.205.093.088	
<b>Cộng</b>	<b><u>51.016.892.709</u></b>	<b><u>52.441.114.760</u></b>	
<b>16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>			
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	
Số đầu năm	2.156.436.993	2.632.621.939	
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	93.532.736	24.015.054	
Tăng do sáp nhập			
Chi quỹ	(82.400.000)	(500.200.000)	
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.167.569.729</u></b>	<b><u>2.156.436.993</u></b>	
<b>17. Vay và nợ dài hạn</b>			
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>			
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội			
<b>Cộng</b>			
<b>18. Dự phòng phải trả dài hạn</b>			
	<u>Chi phí bảo hành công trình xây lắp</u>	<u>Hợp đồng có rủi ro lớn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	25.465.078		25.465.078
Tăng do trích lập trong năm			
Tăng do sáp nhập			
Số đã sử dụng trong năm			
Số đã hoàn nhập trong năm			
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>25.465.078</u></b>		<b><u>25.465.078</u></b>

*Chi phí bảo hành công trình xây lắp:* là tiền dự phòng bảo hành công trình Xekaman 1.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

#### 19. *Vốn chủ sở hữu* *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	77.350.000.000	11.927.177.227	42.056.716.460		18.584.437.306	149.918.330.993
Lợi nhuận trong năm trước					935.327.375	935.327.375
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước			36.022.582		(60.037.636)	(24.015.054)
Tăng vốn do phát hành trả cổ tức	6.186.200.000				(6.186.200.000)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>83.536.200.000</b>	<b>11.927.177.227</b>	<b>42.092.739.042</b>		<b>13.273.527.045</b>	<b>150.829.643.314</b>
Số dư đầu năm nay	83.536.200.000	11.927.177.227	42.233.038.148		13.039.695.203	150.736.110.578
Lợi nhuận kỳ này					535.671.697	535.671.697
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước						
Tăng vốn do phát hành trả cổ tức						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>83.536.200.000</b>	<b>11.927.177.227</b>	<b>42.233.038.148</b>		<b>13.575.366.900</b>	<b>151.271.782.275</b>

#### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	38.556.000.000	38.556.000.000
Vốn góp của các cổ đông	44.980.200.000	44.980.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
<b>Cộng</b>	<b>95.463.377.227</b>	<b>95.463.377.227</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

*Cổ tức*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức các năm trước		

*Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.353.620	8.353.620
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Tổng doanh thu	128.243.403.102	213.537.715.409
- Doanh thu bán hàng hóa		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	306.705.572	2.461.538.992
- Doanh thu hoạt động xây dựng	127.936.697.530	211.076.176.417
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Giảm giá hàng bán		
Doanh thu thuần	<u>128.243.403.102</u>	<u>213.537.715.409</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa		
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác		2.461.538.992
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	127.936.697.530	211.076.176.417

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp		
Giá vốn của hợp đồng xây dựng <sup>(1)</sup>	90.714.755.055	190.108.365.792
Cộng	<u>90.714.755.055</u>	<u>190.108.365.792</u>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.260.352	32.180.656
Lãi cho vay vốn	559.197.780	7.179.381.807
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.249.970	10.056.368
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Cộng	<u>580.708.102</u>	<u>7.221.618.831</u>

**4. Chi phí tài chính**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Chi phí lãi vay	17.455.626.959	16.326.539.054
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		1.689.371.670
DP giảm giá các khoản ĐT ngắn hạn, dài hạn	5.188.215.583	
Lãi phải trả		
<b>Cộng</b>	<b><u>22.643.842.542</u></b>	<b><u>18.015.910.724</u></b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Chi phí cho nhân viên	7.467.356.528	8.119.359.763
Chi phí vật liệu quản lý	465.428.429	515.637.494
Chi phí đồ dùng văn phòng	185.041.911	163.545.188
Chi phí khấu hao TSCĐ	111.627.600	173.708.695
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.110.328.483	2.119.302.729
Chi phí dự phòng	3.894.917.279	
Chi phí bằng tiền khác	1.499.122.609	2.302.708.652
<b>Cộng</b>	<b><u>15.738.822.839</u></b>	<b><u>13.399.262.521</u></b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Thu nhập từ bán hồ sơ thầu		5.454.546
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình		3.347.622.415
Xử lý khoản nợ không phải trả		
Thu nhập khác	4.424.313.394	697.663.917
Thu tiền thanh lý công cụ dụng cụ, hàng tồn kho		263.484.058
<b>Cộng</b>	<b><u>4.424.313.394</u></b>	<b><u>4.314.224.936</u></b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	868.669.536	653.386.789
Chi phí lãi chậm trả tiền BHXH	697.030.883	1.102.060.170
Tiền nộp phạt vi phạm hành chính		1.500.000
Chi phí khác	419.352.315	5.346
<b>Cộng</b>	<b><u>1.985.052.734</u></b>	<b><u>1.756.952.305</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quanMối quan hệ

Tổng Công ty Sông Đà

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I

Công ty liên kết

## CÔNG TY CỔ PHẦN CK - LM SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38 Khu Dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

### Bên liên quan

Công ty Cổ phần Someco Hà Giang  
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco  
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco  
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7

### Mối quan hệ

Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty nhận vốn góp  
Công ty nhận vốn góp  
Công ty nhận vốn góp

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

### *Lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí cho các Chi nhánh và Công ty con, thu phụ phí của các Công ty con ...

Lập, ngày 24 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Phạm Lực Tuấn

Kế toán trưởng



*Trần Thanh Sơn*



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ  
CÔNG TY CP CK - LM SÔNG ĐÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 26.0...CT/TCKT

Hà nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

(V/v Giải trình chênh lệch LNST tổng hợp  
quý III/2017 so với quý III/2016)

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước**  
**Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty CP CK - LM Sông Đà, mã chứng khoán MEC, xin báo cáo chênh lệch lợi  
nhuận sau thuế tổng hợp quý 3 năm 2017 so với quý 3 năm 2016:

*ĐVT: Nghìn, đồng*

TT	Chỉ tiêu	Quý 3/2017	Quý 3/2016	Chênh lệch	Biến động
1	Doanh thu	128.243.403	213.537.715	-85.294.312	-39,94%
2	LN sau thuế	535.671	1.025.334	-489.663	-47,75%

**Nguyên nhân chênh lệch:**

- Về doanh thu: giảm 85,294 tỷ đồng tương đương giảm 39,94% so với cùng kỳ năm 2016, do công tác nghiệm thu và quyết toán một số công trình chưa hoàn thành trong quý 3 năm 2017.
- Về lợi nhuận: giảm 489,663 triệu đồng tương đương giảm 47,75% so với cùng kỳ năm 2016, do doanh thu giảm dẫn đến lợi nhuận giảm.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Website Công ty
- Lưu TCKT; TCHC.

NGƯỜI ĐƯỢC UO TÔNG BỐ THÔNG TIN



*Dàm Trung Kiên*